

TÀI LIỆU MINH HỌA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
AN PHÁT TRỌN ĐỜI
BV-NCUVL01

An Phát Trọn Đời là sản phẩm Bảo hiểm liên kết chung cung cấp Quyền Lợi Đầu Tư đồng thời mang lại sự Bảo Vệ Toàn Diện trọn đời trước những rủi ro trong cuộc sống. Chỉ với phí đóng 30.000.000 đồng/năm, tương đương khoảng 82.200 đồng/ngày, Quý khách sẽ nhận được các Quyền lợi sau:

- Được bảo vệ trước rủi ro tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn (do tai nạn) với Số tiền bảo hiểm 1.100.000.000 đồng
- Được chi trả ngay khoản tiền mặt tương đương 50% Quyền lợi bảo hiểm tử vong (tối đa 500.000.000 đồng) để hỗ trợ điều trị bệnh trong trường hợp bị bệnh hiểm nghèo.
- Phí bảo hiểm phân bổ được tích lũy và đầu tư theo lãi suất công bố của Bảo Việt Nhân thọ, sinh lời an toàn và đều đặn hàng năm.
- Được hưởng Quyền lợi duy trì Hợp đồng và Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản.
- Quyền lợi đáo hạn dự kiến: 40.031.853.000 đồng (đã bao gồm Quyền lợi duy trì Hợp đồng và Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản)*
- Luôn được bảo vệ ngay cả khi tạm ngừng đóng phí bảo hiểm (trong khi Hợp đồng vẫn còn hiệu lực)
- Có thể rút Giá trị Tài khoản.

(*) Giá trị tính theo mức Lãi suất đầu tư dự kiến là 7.0%/năm.

Bên mua bảo hiểm : NGUYỄN VĂN A
Người được bảo hiểm : NGUYỄN VĂN A

Tổng Công Ty Bảo Việt Nhân thọ: Thành lập năm 1996, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ là công ty Bảo hiểm nhân thọ đầu tiên trên thị trường Việt Nam và liên tục là một trong những công ty bảo hiểm nhân thọ có kết quả kinh doanh dẫn đầu thị trường trong những năm qua. Bảo Việt Nhân thọ được Bộ Tài chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 46/GP/KDBH ngày 23/11/2007 và các Giấy phép điều chỉnh sau đó. Vốn điều lệ: 2.500 tỷ đồng

Trụ sở chính: Tầng 37, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Đường Phạm Hùng, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng đài 1900 558899 **Fax** 024.35770958

Tư vấn viên: Lê Minh Hải

Mã số: D100100481

Điện thoại: 0983088312

Nhóm/Ban: Nhóm PA - NHN

Địa chỉ liên hệ: Bảo Việt Nhân Thọ Hà nội

Số 94 phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm



QUYỀN LỢI CƠ BẢN CỦA AN PHÁT TRỌN ĐỜI

- Quyền lợi đáo hạn:** bằng toàn bộ Giá trị Tài khoản Hợp đồng khi Người được bảo hiểm sống đến độ tuổi được lựa chọn để nhận Quyền lợi đáo hạn.
- Quyền lợi duy trì Hợp đồng:** nếu phí bảo hiểm được đóng đầy đủ, quyền lợi này sẽ được cộng vào Giá trị Tài khoản Hợp đồng vào Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 10 và mỗi 5 năm sau đó.
- Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản:** Khi Hợp đồng không tạm ngừng đóng phí và đang trong thời hạn đóng phí bảo hiểm theo quy định, nếu Giá trị Kỹ thuật trung bình của Tài khoản trong một năm ngay trước ngày xác định quyền lợi đạt mức quy định, Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản sẽ được trả bằng cách cộng vào Giá trị Tài khoản Hợp đồng:

	Giá trị Kỹ thuật trung bình của Tài khoản trong một năm ngay trước ngày xác định quyền lợi	Tỷ lệ % trên lớp Giá trị Kỹ thuật trung bình của Tài khoản
Lớp thứ nhất	Từ 0 đến 250 triệu đồng	0%
Lớp thứ hai	Từ trên 250 triệu đồng đến 500 triệu đồng	0,2%
Lớp thứ ba	Từ trên 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng	0,4%
Lớp thứ tư	Từ trên 1 tỷ đồng	0,6%

- Quyền lợi bảo hiểm tử vong:** Quyền lợi Cơ bản: Giá trị lớn hơn giữa Số tiền bảo hiểm gia tăng và Giá trị Tài khoản Hợp đồng.
Trường hợp Quyền lợi tử vong của Hợp đồng là Quyền lợi Vượt trội thì kể từ Ngày kỷ niệm hợp đồng năm Người được bảo hiểm đạt 70 tuổi quyền lợi này sẽ tự động chuyển thành Quyền lợi Cơ bản trừ khi Quý khách yêu cầu giữ nguyên.
- Quyền lợi bảo hiểm thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn:** bằng 100% Quyền lợi bảo hiểm tử vong.
- Quyền lợi bảo hiểm bệnh hiểm nghèo:** 50% Quyền lợi bảo hiểm tử vong (nhưng không quá 500 triệu đồng) sẽ được ứng trước khi Người được bảo hiểm không may mắc bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối và Hợp đồng đã có hiệu lực từ 12 tháng trở lên. Số tiền đã ứng trước sẽ được khấu trừ khi chi trả các quyền lợi khác hoặc khi Hợp đồng chấm dứt hiệu lực.
- Lãi suất cam kết tối thiểu**

Năm hợp đồng	Năm 1	Năm 2	Năm 3 và Năm 4	Năm 5	Từ Năm 6 đến Năm 10	Từ Năm thứ 11 trở đi
Lãi suất cam kết tối thiểu	5,0%/năm	4,5%/năm	4,0%/năm	3,5%/năm	3,0%/năm	2,0%/năm

8. Quyền của Bên mua bảo hiểm

Quý khách có thể chủ động và linh hoạt lập kế hoạch bảo hiểm và đầu tư (phù hợp với quy định tại Điều khoản Hợp đồng và của Bảo Việt Nhân thọ) như sau:

- Lựa chọn/Thay đổi lựa chọn Quyền lợi tử vong
- Lựa chọn/Thay đổi Số tiền bảo hiểm và/hoặc Tỷ lệ gia tăng Số tiền bảo hiểm
- Lựa chọn nhận Quyền lợi đáo hạn
- Lựa chọn/Thay đổi thời hạn đóng phí bảo hiểm
- Lựa chọn/Thay đổi Phí bảo hiểm đóng theo hóa đơn sau 2 năm
- Tham gia các Sản phẩm hỗ trợ để gia tăng quyền lợi bảo vệ
- Đóng thêm Phí bảo hiểm để gia tăng đầu tư
- Rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng
- Tạm ứng từ Giá trị giải ước (“Giá trị hoàn lại”)
- Tạm ngừng đóng phí
- Khôi phục Hợp đồng

Lưu ý: Để được chấp nhận bảo hiểm, tuổi của Người được bảo hiểm phải từ 18 đến 65 tuổi.



CÁC LOẠI PHÍ

1. Phí bảo hiểm rủi ro: được xác định căn cứ vào tỷ lệ phí bảo hiểm rủi ro, Số tiền bảo hiểm rủi ro, nghề nghiệp, sức khỏe, độ tuổi, giới tính của Người được bảo hiểm và các quy định liên quan của Bảo Việt Nhân thọ.

2. Phí ban đầu:

Năm phân bổ	1	2	3	4	5	Từ năm thứ 6 trở đi
Tỷ lệ phí ban đầu trên Phí bảo hiểm định kỳ	50%	25%	20%	15%	10%	2,5%
Tỷ lệ phí ban đầu trên Phí bảo hiểm đóng thêm	8%	6%	6%	6%	5%	2,5%

3. Phí quản lý Hợp đồng: 20.000 đồng/tháng.

4. Phí quản lý Quỹ liên kết chung: 2%/năm tính trên phần giá trị của Hợp đồng trong Quỹ liên kết chung. Mức Phí quản lý Quỹ liên kết chung có thể thay đổi nhưng sẽ không quá 3%/năm.

5. Phí khuyến khích duy trì Hợp đồng: trong khoảng từ 0,25%/năm đến 1%/năm tính trên phần giá trị của Hợp đồng trong quỹ liên kết chung. Phí khuyến khích duy trì Hợp đồng không rút ra khỏi Quỹ liên kết chung và Quyền lợi duy trì Hợp đồng tương ứng với Phí khuyến khích duy trì Hợp đồng sẽ thuộc về Quý khách nếu Hợp đồng được duy trì đến ngày nhận Quyền lợi duy trì Hợp đồng.

6. Phí chấm dứt Hợp đồng: được thu khi Hợp đồng chấm dứt trước thời hạn trong 07 năm phân bổ đầu tiên. Cụ thể:

Năm phân bổ	1	2	3	4	5	6	7	Từ năm thứ 8 trở đi
Phí chấm dứt Hợp đồng (% Phí bảo hiểm định kỳ quy năm)	100%	100%	90%	80%	70%	50%	25%	0%

7. Phí rút trước và Phí dịch vụ: được áp dụng khi có khoản rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng và được tính theo tỷ lệ thuận với Phí chấm dứt Hợp đồng theo Năm phân bổ. Khi rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng Quý khách chịu thêm Phí dịch vụ (hiện tại là 100.000 đồng). Trong mỗi Năm hợp đồng, Quý khách được miễn Phí dịch vụ cho lần rút đầu tiên.

8. Phí kiểm tra sức khỏe: bằng chi phí thực tế phát sinh. Quý khách chỉ phải chịu chi phí này trong một số trường hợp.

9. Phí đánh giá rủi ro và phát hành Hợp đồng: 0,3% Số tiền bảo hiểm gốc, tối thiểu: 60.000 đồng, tối đa: 300.000 đồng. Quý khách chỉ phải chịu chi phí này trong một số trường hợp.

Phí quản lý Hợp đồng và Phí dịch vụ có thể được Bảo Việt Nhân thọ điều chỉnh hàng năm căn cứ vào tỷ lệ lạm phát do Chính phủ công bố.



THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM DỰ KIẾN

Ngày dự thảo: 16/08/2019

	Bên mua bảo hiểm (BMBH) đồng thời là Người được bảo hiểm (NDBH)	Người hôn phối của BMBH
Họ và tên	Nguyễn Văn A	Nguyễn Thị B
Giới tính	Nam	Nữ
Ngày sinh	01/01/1985	01/01/1988
Tuổi được bảo hiểm	35	32
CMND/Thẻ CCCD/HC	11111111	22222222
Nghề nghiệp		

Thông tin về Hợp đồng chính An Phát Trọn Đời

Số tiền bảo hiểm: 1.100.000.000 đồng	Thời hạn đóng phí: 20 năm
Lựa chọn tỷ lệ gia tăng Số tiền bảo hiểm: 0 %	Định kỳ đóng Phí bảo hiểm: Năm
Quyền lợi bảo hiểm tử vong: Quyền lợi Cơ bản	Phí bảo hiểm định kỳ: 30.000.000 đồng
Lựa chọn nhận Quyền lợi đáo hạn: Tại tuổi 95	Phí bảo hiểm đóng thêm định kỳ: 30.000.000 đồng

Thông tin về Quyền lợi của Sản phẩm bảo trợ

Sản phẩm bảo trợ	Số tiền bảo hiểm (đồng)	Phí năm (đồng)	Sự kiện bảo hiểm	Quyền lợi
Sản phẩm bảo trợ cho Người được bảo hiểm:				
1. Bảo hiểm Phẫu thuật và điều trị ngoại khoa (BV-NR16)	50.000.000	1.215.000	657 Phẫu thuật và điều trị ngoại khoa	Tối đa 100% Số tiền bảo hiểm (theo “Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm”)
2. Quyền lợi miễn đóng phí bảo hiểm các bệnh lý nghiêm trọng mở rộng (BV-NR17)		1.107.000	37 Bệnh lý nghiêm trọng và 8 Bệnh ung thư phụ nữ	Hợp đồng chính và Sản phẩm bảo trợ này được miễn Phí bảo hiểm định kỳ (trừ Phí đóng thêm) kể từ ngày đến hạn đóng phí tiếp theo
Tổng phí SPBT cho Người được bảo hiểm		2.322.000		
Sản phẩm bảo trợ cho Người hôn phối của BMBH:				
1. Bảo hiểm thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn (BV-NR12)	200.000.000	226.400	Thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn	Tối đa 100% Số tiền bảo hiểm (theo “Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm”)



BMBH: Nguyễn Văn A
 Tư vấn viên: Lê Minh Hải

Chữ ký BMBH:

Tài liệu này chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang.
 Version BVL2019.UVL_V1.1
 BV-NCUVL01

Sản phẩm bảo trợ	Số tiền bảo hiểm (đồng)	Phí năm (đồng)	Sự kiện bảo hiểm	Quyền lợi
2. Bảo hiểm tử vong và thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn (BV-NR13)	200.000.000	362.240	Tử vong và Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn	100% Số tiền bảo hiểm
3. Bảo hiểm Phẫu thuật và điều trị ngoại khoa (BV-NR16)	50.000.000	1.690.000	657 Phẫu thuật và điều trị ngoại khoa	Tối đa 100% Số tiền bảo hiểm (theo “Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm”)
4. Quyền lợi miễn đóng phí bảo hiểm các bệnh lý nghiêm trọng mở rộng (BV-NR17)		1.866.000	37 Bệnh lý nghiêm trọng và 8 Bệnh ung thư phụ nữ	Hợp đồng chính và Sản phẩm bảo trợ này được miễn Phí bảo hiểm định kỳ (trừ Phí đóng thêm) kể từ ngày đến hạn đóng phí tiếp theo
Tổng phí SPBT cho Người hôn phối của BMBH		4.144.640		
Tổng phí bảo hiểm định kỳ của các Sản phẩm bảo trợ		6.466.640		

Tổng Phí bảo hiểm định kỳ của Hợp đồng chính (không bao gồm phí đóng thêm nếu có) và Sản phẩm bảo trợ: 36.466.640 đồng

Lưu ý:

- Phí bảo hiểm của các Sản phẩm bảo trợ trong tài liệu minh họa này được làm tròn theo đơn vị đồng.
- Thời hạn bảo hiểm của Sản phẩm bảo trợ không vượt quá thời hạn đóng phí của Hợp đồng chính.
- Sản phẩm bảo trợ Bảo hiểm thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn, Bảo hiểm tử vong và thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn có thời hạn bảo hiểm 1 năm và sẽ được tự động tái tục vào ngày tiếp theo ngày kết thúc thời hạn bảo hiểm với mức phí bảo hiểm không thay đổi.
- Sản phẩm bảo trợ Bảo hiểm phẫu thuật và điều trị ngoại khoa có thời hạn bảo hiểm 1 năm và sẽ được tự động tái tục vào ngày tiếp theo ngày kết thúc thời hạn bảo hiểm với mức phí bảo hiểm tại ngày tái tục.
- Sản phẩm bảo trợ Quyền lợi miễn đóng phí bảo hiểm các bệnh lý nghiêm trọng mở rộng có thời hạn bảo hiểm tối đa bằng thời hạn đóng phí của Hợp đồng chính và có phí bảo hiểm không thay đổi.
- Các Quyền lợi (*) sẽ chi trả theo quy định cụ thể nêu tại Điều khoản Sản phẩm bảo trợ đối với trường hợp Người được bảo hiểm dưới 4 tuổi.
- Sản phẩm bảo trợ có áp dụng quy định hạn mức chi trả tối đa theo quy định tại Điều khoản Sản phẩm bảo trợ tương ứng.
- Độ tuổi có thể được bảo hiểm của các sản phẩm bảo trợ:
 - + Bảo hiểm thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn, Bảo hiểm tử vong và thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn, Bảo hiểm phẫu thuật và điều trị ngoại khoa: Từ 01 đến 60 tuổi. Độ tuổi trên 60 có thể được tiếp tục bảo hiểm nếu đã tham gia bảo hiểm liên tục ít nhất 5 năm, nhưng tuổi tối đa khi kết thúc bảo hiểm không quá 70 tuổi.
 - + Quyền lợi miễn đóng phí bảo hiểm các bệnh lý nghiêm trọng mở rộng: Từ 01 đến 60 nhưng tuổi tối đa khi kết thúc thời hạn bảo hiểm của Sản phẩm bảo trợ không quá 65 tuổi.



MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (QLBH) CỦA HỢP ĐỒNG CHÍNH

Đơn vị: **nghìn đồng** (trừ khi được nêu rõ)

Năm hợp đồng	Tuổi	Phí bảo hiểm đóng trong năm		Phí ban đầu	Phí bảo hiểm phân bổ vào Giá trị tài khoản	Giá trị minh họa với Lãi suất dự kiến 7.0%/năm				Giá trị minh họa với Lãi suất dự kiến 5.0%/năm				Giá trị minh họa với Lãi suất cam kết				
		Phí bảo hiểm định kỳ	Phí bảo hiểm đóng thêm			QLBH từ vong	Quyền lợi Thưởng gia tăng GTTK	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị giải ước	QLBH từ vong	Quyền lợi Thưởng gia tăng GTTK	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị giải ước	Phí bảo hiểm rủi ro của HĐ chính	QLBH từ vong	Quyền lợi Thưởng gia tăng GTTK	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị giải ước
1	35	30.000	30.000	17.400	42.600	1.100.000	0	42.322	12.322	1.100.000	0	41.502	11.502	2.903	1.100.000	0	41.502	11.502
2	36	30.000	30.000	9.300	50.700	1.100.000	0	96.256	66.256	1.100.000	0	93.564	63.564	2.924	1.100.000	0	93.111	63.111
3	37	30.000	30.000	7.800	52.200	1.100.000	0	155.575	128.575	1.100.000	0	149.800	122.800	2.930	1.100.000	0	147.885	120.885
4	38	30.000	30.000	6.300	53.700	1.100.000	0	220.676	196.676	1.100.000	0	210.435	186.435	2.925	1.100.000	0	206.416	182.416
5	39	30.000	30.000	4.500	55.500	1.100.000	0	292.307	271.307	1.100.000	0	276.018	255.018	2.910	1.100.000	0	267.874	246.874
6	40	30.000	30.000	1.500	58.500	1.100.000	102	372.259	357.259	1.100.000	62	348.097	333.097	2.865	1.100.000	39	333.009	318.009
7	41	30.000	30.000	1.500	58.500	1.100.000	267	458.073	450.573	1.100.000	209	423.958	416.458	2.789	1.100.000	170	400.217	392.717
8	42	30.000	30.000	1.500	58.500	1.100.000	445	550.290	550.290	1.100.000	365	503.929	503.929	2.676	1.100.000	307	469.690	469.690
9	43	30.000	30.000	1.500	58.500	1.100.000	773	649.413	649.413	1.100.000	558	588.244	588.244	2.559	1.100.000	448	541.507	541.507
10	44	30.000	30.000	1.500	58.500	1.100.000	1.185	756.178	756.178	1.100.000	905	677.227	677.227	2.396	1.100.000	689	615.790	615.790
11	45	30.000	30.000	1.500	58.500	1.100.000	1.673	882.547	882.547	1.100.000	1.310	781.128	781.128	2.149	1.100.000	1.012	694.574	694.574
12	46	30.000	30.000	1.500	58.500	1.100.000	2.156	1.007.717	1.007.717	1.100.000	1.700	881.352	881.352	1.907	1.100.000	1.298	766.997	766.997
13	47	30.000	30.000	1.500	58.500	1.142.861	2.765	1.142.861	1.142.861	1.100.000	2.114	987.534	987.534	1.603	1.100.000	1.593	841.468	841.468
14	48	30.000	30.000	1.500	58.500	1.288.167	3.608	1.288.167	1.288.167	1.100.124	2.578	1.100.124	1.100.124	1.231	1.100.000	1.895	918.105	918.105
15	49	30.000	30.000	1.500	58.500	1.444.545	4.516	1.444.545	1.444.545	1.219.015	3.274	1.219.015	1.219.015	782	1.100.000	2.207	997.037	997.037
16	50	30.000	30.000	1.500	58.500	1.627.500	5.577	1.627.500	1.627.500	1.356.647	4.080	1.356.647	1.356.647	171	1.100.000	2.599	1.087.976	1.087.976
17	51	30.000	30.000	1.500	58.500	1.809.739	6.634	1.809.739	1.809.739	1.489.942	4.860	1.489.942	1.489.942	0	1.171.814	3.097	1.171.814	1.171.814
18	52	30.000	30.000	1.500	58.500	2.005.865	7.772	2.005.865	2.005.865	1.630.721	5.685	1.630.721	1.630.721	0	1.257.837	3.608	1.257.837	1.257.837
19	53	30.000	30.000	1.500	58.500	2.216.938	8.997	2.216.938	2.216.938	1.779.404	6.555	1.779.404	1.779.404	0	1.346.101	4.132	1.346.101	1.346.101
20	54	30.000	30.000	1.500	58.500	2.444.096	10.315	2.444.096	2.444.096	1.936.436	7.475	1.936.436	1.936.436	0	1.436.665	4.670	1.436.665	1.436.665
21	55	0	0	0	0	2.650.825	0	2.650.825	2.650.825	2.060.132	0	2.060.132	2.060.132	0	1.483.719	0	1.483.719	1.483.719
22	56	0	0	0	0	2.836.133	0	2.836.133	2.836.133	2.162.892	0	2.162.892	2.162.892	0	1.513.151	0	1.513.151	1.513.151
23	57	0	0	0	0	3.034.414	0	3.034.414	3.034.414	2.270.790	0	2.270.790	2.270.790	0	1.543.171	0	1.543.171	1.543.171
24	58	0	0	0	0	3.246.573	0	3.246.573	3.246.573	2.384.083	0	2.384.083	2.384.083	0	1.573.792	0	1.573.792	1.573.792
25	59	0	0	0	0	3.473.585	0	3.473.585	3.473.585	2.503.041	0	2.503.041	2.503.041	0	1.605.025	0	1.605.025	1.605.025
26	60	0	0	0	0	3.752.557	0	3.752.557	3.752.557	2.653.559	0	2.653.559	2.653.559	0	1.652.917	0	1.652.917	1.652.917
27	61	0	0	0	0	4.014.987	0	4.014.987	4.014.987	2.785.991	0	2.785.991	2.785.991	0	1.685.733	0	1.685.733	1.685.733
28	62	0	0	0	0	4.295.787	0	4.295.787	4.295.787	2.925.044	0	2.925.044	2.925.044	0	1.719.205	0	1.719.205	1.719.205
29	63	0	0	0	0	4.596.243	0	4.596.243	4.596.243	3.071.049	0	3.071.049	3.071.049	0	1.753.347	0	1.753.347	1.753.347
30	64	0	0	0	0	4.917.731	0	4.917.731	4.917.731	3.224.355	0	3.224.355	3.224.355	0	1.788.171	0	1.788.171	1.788.171
31	65	0	0	0	0	5.312.804	0	5.312.804	5.312.804	3.418.328	0	3.418.328	3.418.328	0	1.841.559	0	1.841.559	1.841.559



BMH: Nguyễn Văn A
 Tư vấn viên: Lê Minh Hải

Chữ ký BMH:

Tài liệu này chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang.
 Version BVL2019.UVL_V1.1
 BV-NCUVL01

Năm hợp đồng	Tuổi	Phí bảo hiểm đóng trong năm		Phí ban đầu	Phí bảo hiểm phân bổ vào Giá trị tài khoản	Giá trị minh họa với Lãi suất dự kiến 7.0%/năm				Giá trị minh họa với Lãi suất dự kiến 5.0%/năm				Giá trị minh họa với Lãi suất cam kết				
		Phí bảo hiểm định kỳ	Phí bảo hiểm đóng thêm			QLBH từ vòng	Quyền lợi Thưởng gia tăng GTK	Giá trị Tài khoản HD	Giá trị giải ước	QLBH từ vòng	Quyền lợi Thưởng gia tăng GTK	Giá trị Tài khoản HD	Giá trị giải ước	Phí bảo hiểm rủi ro của HD chính	QLBH từ vòng	Quyền lợi Thưởng gia tăng GTK	Giá trị Tài khoản HD	Giá trị giải ước
32	66	0	0	0	0	5.684.451	0	5.684.451	5.684.451	3.588.998	0	3.588.998	3.588.998	0	1.878.147	0	1.878.147	1.878.147
33	67	0	0	0	0	6.082.114	0	6.082.114	6.082.114	3.768.201	0	3.768.201	3.768.201	0	1.915.468	0	1.915.468	1.915.468
34	68	0	0	0	0	6.507.613	0	6.507.613	6.507.613	3.956.365	0	3.956.365	3.956.365	0	1.953.534	0	1.953.534	1.953.534
35	69	0	0	0	0	6.962.896	0	6.962.896	6.962.896	4.153.937	0	4.153.937	4.153.937	0	1.992.363	0	1.992.363	1.992.363
36	70	0	0	0	0	7.522.395	0	7.522.395	7.522.395	4.403.913	0	4.403.913	4.403.913	0	2.051.878	0	2.051.878	2.051.878
37	71	0	0	0	0	8.048.713	0	8.048.713	8.048.713	4.623.862	0	4.623.862	4.623.862	0	2.092.673	0	2.092.673	2.092.673
38	72	0	0	0	0	8.611.874	0	8.611.874	8.611.874	4.854.809	0	4.854.809	4.854.809	0	2.134.284	0	2.134.284	2.134.284
39	73	0	0	0	0	9.214.457	0	9.214.457	9.214.457	5.097.303	0	5.097.303	5.097.303	0	2.176.727	0	2.176.727	2.176.727
40	74	0	0	0	0	9.859.219	0	9.859.219	9.859.219	5.351.922	0	5.351.922	5.351.922	0	2.220.019	0	2.220.019	2.220.019
41	75	0	0	0	0	10.651.582	0	10.651.582	10.651.582	5.674.075	0	5.674.075	5.674.075	0	2.286.367	0	2.286.367	2.286.367
42	76	0	0	0	0	11.396.944	0	11.396.944	11.396.944	5.957.532	0	5.957.532	5.957.532	0	2.331.852	0	2.331.852	2.331.852
43	77	0	0	0	0	12.194.481	0	12.194.481	12.194.481	6.255.162	0	6.255.162	6.255.162	0	2.378.246	0	2.378.246	2.378.246
44	78	0	0	0	0	13.047.846	0	13.047.846	13.047.846	6.567.674	0	6.567.674	6.567.674	0	2.425.569	0	2.425.569	2.425.569
45	79	0	0	0	0	13.960.946	0	13.960.946	13.960.946	6.895.811	0	6.895.811	6.895.811	0	2.473.837	0	2.473.837	2.473.837
46	80	0	0	0	0	15.083.099	0	15.083.099	15.083.099	7.310.985	0	7.310.985	7.310.985	0	2.547.804	0	2.547.804	2.547.804
47	81	0	0	0	0	16.138.667	0	16.138.667	16.138.667	7.676.287	0	7.676.287	7.676.287	0	2.598.517	0	2.598.517	2.598.517
48	82	0	0	0	0	17.268.125	0	17.268.125	17.268.125	8.059.855	0	8.059.855	8.059.855	0	2.650.245	0	2.650.245	2.650.245
49	83	0	0	0	0	18.476.645	0	18.476.645	18.476.645	8.462.602	0	8.462.602	8.462.602	0	2.703.007	0	2.703.007	2.703.007
50	84	0	0	0	0	19.769.761	0	19.769.761	19.769.761	8.885.485	0	8.885.485	8.885.485	0	2.756.825	0	2.756.825	2.756.825
51	85	0	0	0	0	21.358.977	0	21.358.977	21.358.977	9.420.543	0	9.420.543	9.420.543	0	2.839.285	0	2.839.285	2.839.285
52	86	0	0	0	0	22.853.856	0	22.853.856	22.853.856	9.891.324	0	9.891.324	9.891.324	0	2.895.828	0	2.895.828	2.895.828
53	87	0	0	0	0	24.453.377	0	24.453.377	24.453.377	10.385.644	0	10.385.644	10.385.644	0	2.953.502	0	2.953.502	2.953.502
54	88	0	0	0	0	26.164.864	0	26.164.864	26.164.864	10.904.680	0	10.904.680	10.904.680	0	3.012.329	0	3.012.329	3.012.329
55	89	0	0	0	0	27.996.156	0	27.996.156	27.996.156	11.449.667	0	11.449.667	11.449.667	0	3.072.333	0	3.072.333	3.072.333
56	90	0	0	0	0	30.246.844	0	30.246.844	30.246.844	12.139.232	0	12.139.232	12.139.232	0	3.164.264	0	3.164.264	3.164.264
57	91	0	0	0	0	32.363.875	0	32.363.875	32.363.875	12.745.947	0	12.745.947	12.745.947	0	3.227.307	0	3.227.307	3.227.307
58	92	0	0	0	0	34.629.097	0	34.629.097	34.629.097	13.382.998	0	13.382.998	13.382.998	0	3.291.611	0	3.291.611	3.291.611
59	93	0	0	0	0	37.052.885	0	37.052.885	37.052.885	14.051.902	0	14.051.902	14.051.902	0	3.357.200	0	3.357.200	3.357.200
60	94	0	0	0	0	39.646.337	0	39.646.337	39.646.337	14.754.250	0	14.754.250	14.754.250	0	3.424.102	0	3.424.102	3.424.102

Tổng Phí bảo hiểm đóng: 1.200.000.000 đồng. Trong đó: Phí bảo hiểm định kỳ: 600.000.000 đồng, Phí bảo hiểm đóng thêm: 600.000.000 đồng.

Quyền lợi duy trì Hợp đồng (Chỉ đảm bảo với Lãi suất cam kết và được cộng vào Giá trị Tài khoản Hợp đồng)

Đơn vị: nghìn đồng

Ngày ký niệm	Với Lãi suất dự kiến 7.0%/năm	Với Lãi suất dự kiến 5.0%/năm	Với Lãi suất cam kết
--------------	-------------------------------	-------------------------------	----------------------



BMBH: Nguyễn Văn A
 Tư vấn viên: Lê Minh Hải

Chữ ký BMBH:

Tài liệu này chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang.
 Version BVL2019.UVL_V1.1
 BV-NCUVL01

Hợp đồng			
10	10.438	9.261	8.344
15	13.700	11.491	9.306
20	23.228	18.355	13.529
25	33.710	24.393	15.720
30	47.739	31.430	17.517
35	67.612	40.501	19.521
40	95.763	52.194	21.755
45	135.641	67.266	24.247
50	192.132	86.696	27.026
55	272.156	111.741	30.124
60	385.515	144.025	33.580

Quyền lợi đáo hạn:

Đơn vị: nghìn đồng

Ngày kỷ niệm Hợp đồng khi NĐBH đạt tuổi	Với lãi suất dự kiến 7.0%/năm	Với lãi suất dự kiến 5.0%/năm	Với Lãi suất cam kết
95	40.031.853	14.898.276	3.457.681

Ghi chú:

- Số liệu về Quyền lợi bảo hiểm tử vong, Giá trị Tài khoản Hợp đồng và Giá trị giải ước nêu trên được xác định tại cuối Năm hợp đồng;
- Giá trị giải ước (“Giá trị hoàn lại”) là số tiền Quý khách nhận được (nếu có) khi Hợp đồng chấm dứt hiệu lực trước thời hạn theo các quy định tương ứng trong Điều khoản Hợp đồng bảo hiểm. Giá trị này được xác định bằng Giá trị Tài khoản Hợp đồng trừ đi Phí chấm dứt Hợp đồng. Giá trị giải ước được xác định theo công thức đã được Bộ Tài chính chấp thuận.
- Các giá trị minh họa theo Lãi suất cam kết là các giá trị được đảm bảo.
- Các giá trị minh họa theo Lãi suất dự kiến là các giá trị không được đảm bảo. Lãi suất công bố của Quỹ liên kết chung có thể cao hơn hoặc thấp hơn Lãi suất dự kiến.
- Phí quản lý Hợp đồng đã được khấu trừ khi tính toán Giá trị Tài khoản Hợp đồng và các giá trị liên quan.
- Giá trị Tài khoản Hợp đồng, Quyền lợi đáo hạn và Giá trị giải ước trong bảng trên đã bao gồm Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản và Quyền lợi duy trì Hợp đồng.
- Các giá trị minh họa được làm tròn theo đơn vị nghìn đồng (trừ khi được nêu rõ). Do việc làm tròn này, giá trị thể hiện theo đơn vị đồng có thể khác so với khi thể hiện theo đơn vị nghìn đồng.



LÃI SUẤT CÔNG BỐ VÀ LÃI SUẤT DỰ KIẾN CỦA QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

Lãi suất dự kiến áp dụng kể từ ngày 01/01/2019 là: 6%/năm. Trong các năm qua, Bảo Việt Nhân thọ thường có Lãi suất công bố cao hơn Lãi suất dự kiến và là một trong những doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ có Lãi suất công bố cho sản phẩm liên kết chung cao nhất trên thị trường. Cụ thể, Lãi suất công bố bình quân 5 năm qua của Bảo Việt Nhân thọ là 7,1%/năm; trong đó Lãi suất công bố cao nhất là 8,5%/năm (năm 2014).



PHÍ BẢO HIỂM TÁI TỤC CỦA CÁC SẢN PHẨM BỒ TRỢ

Sản phẩm bồi trợ: Bảo hiểm Phẫu thuật và điều trị ngoại khoa (BV-NR16)

Người được bảo hiểm: Nguyễn Văn A
Số tiền bảo hiểm: 50.000.000 đồng

Tuổi	Phí năm (đồng)	Tuổi	Phí năm (đồng)
36	1.270.000	46	1.995.000
37	1.285.000	47	2.045.000
38	1.310.000	48	2.110.000
39	1.400.000	49	2.200.000
40	1.470.000	50	2.290.000
41	1.595.000	51	2.380.000
42	1.670.000	52	2.480.000
43	1.760.000	53	2.550.000
44	1.875.000	54	2.690.000
45	1.935.000		

Người được bảo hiểm: Nguyễn Thị B
Số tiền bảo hiểm: 50.000.000 đồng

Tuổi	Phí năm (đồng)	Tuổi	Phí năm (đồng)
33	1.690.000	43	2.015.000
34	1.710.000	44	2.015.000
35	1.745.000	45	2.030.000
36	1.830.000	46	2.050.000
37	1.875.000	47	2.075.000
38	1.910.000	48	2.130.000
39	1.935.000	49	2.245.000
40	1.935.000	50	2.335.000
41	2.010.000	51	2.435.000
42	2.010.000		



QUÝ KHÁCH LƯU Ý

- Những số liệu trong Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm này được xác định tại thời điểm minh họa theo nhu cầu, thông tin Quý khách cung cấp và dựa trên giả định rằng Phí bảo hiểm được đóng đầy đủ, đúng hạn, theo định kỳ đóng Phí bảo hiểm mà Quý khách lựa chọn và trong thời hạn bảo hiểm không có yêu cầu nào của Quý khách làm thay đổi những số liệu trên.
- Giá trị Tài khoản Hợp đồng trên thực tế sẽ phụ thuộc vào kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung, Phí bảo hiểm thực đóng, số tiền rút ra và các thay đổi liên quan đến Hợp đồng, do vậy có thể cao hơn, hoặc thấp hơn so với số liệu minh họa nêu trên.
- Phí bảo hiểm rủi ro của Hợp đồng chính (An Phát Trọn Đời) và Phí bảo hiểm của các Sản phẩm bổ trợ (nếu có) trong bảng trên được xác định cho Người được bảo hiểm có đủ điều kiện được chấp nhận bảo hiểm phí chuẩn theo các quy định về đánh giá rủi ro của Bảo Việt Nhân thọ.
- Việc tham gia Hợp đồng An Phát Trọn Đời là một cam kết dài hạn, do vậy việc không đóng Phí bảo hiểm đầy đủ, giảm Phí bảo hiểm, dừng đóng Phí bảo hiểm, rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng hoặc chấm dứt Hợp đồng trong các năm đầu là KHÔNG có lợi. Theo quy định hiện hành của Bảo Việt Nhân thọ, Phí bảo hiểm đóng theo hóa đơn KHÔNG được giảm trong 02 Năm hợp đồng đầu tiên.
- Hợp đồng An Phát Trọn Đời sẽ tự động chấm dứt hiệu lực và Quý khách sẽ không được nhận lại Phí bảo hiểm đã đóng và/hoặc Giá trị giải ước của Hợp đồng (nếu có) nếu Quý khách không đóng Phí bảo hiểm định kỳ trong thời gian gia hạn đóng phí là 60 ngày (kể từ ngày đến hạn đóng phí trong trường hợp Hợp đồng chưa có Giá trị giải ước hoặc kể từ ngày Giá trị giải ước của Hợp đồng sau khi trừ Khoản nợ không đủ cho Khoản khấu trừ hàng tháng).
- Quyền lợi bảo hiểm cùng những nội dung khác liên quan đến việc giao kết và thực hiện Hợp đồng của Hợp đồng chính và các Sản phẩm bổ trợ được quy định chi tiết trong Điều khoản bảo hiểm An Phát Trọn Đời và Điều khoản bảo hiểm của các Sản phẩm bổ trợ tương ứng.

XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TƯ VẤN VIÊN (ĐẠI LÝ BẢO HIỂM)

Tôi, Bên mua bảo hiểm ký tên dưới đây, xác nhận đã được Tư vấn viên của Bảo Việt Nhân thọ có tên và mã số dưới đây tư vấn và giải thích rõ ràng, đầy đủ về nội dung Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm, Điều khoản Hợp đồng, điều kiện bảo hiểm của sản phẩm An Phát Trọn Đời và Sản phẩm bổ trợ mua kèm. Tôi đồng thời cũng xác nhận đã đọc và hiểu toàn bộ nội dung của Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm này kể cả các lưu ý, các đặc điểm, quyền lợi và trách nhiệm của Tôi khi tham gia bảo hiểm.

Bên mua bảo hiểm

Chữ ký

Ngày/tháng/năm

Tôi, Tư vấn viên (Đại lý bảo hiểm) ký tên dưới đây, cam kết đã tư vấn và giải thích rõ ràng, đầy đủ cho Quý khách có tên nêu trên về nội dung Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm, Điều khoản Hợp đồng và điều kiện bảo hiểm của sản phẩm An Phát Trọn Đời và Sản phẩm bổ trợ mua kèm.

Tư vấn viên

Chữ ký

Ngày/tháng/năm

